

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 147/2017/DS-PT

Ngày 08 - 12 - 2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dân.

2. Ông Trịnh Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2017/DS – PT ngày 05/10/2017, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M’đrăk, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2017/QĐ - PT ngày 01/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Vũ Đ; địa chỉ: Xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị B; địa chỉ: Xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bộ: Luật sư Phạm Văn Ng - Văn phòng Luật sư BMT – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Đinh Vũ Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ trình bày:

Năm 1992, ông Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Vũ Thị Th 01 thửa đất (quả đồi) diện tích khoảng 4,5 ha có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp suối dài khoảng 50m; phía Tây giáp ruộng nước nay là ruộng của ông V dài khoảng 100m; phía Nam giáp đường mòn của rừng GĐ dài khoảng 250m; phía Bắc giáp khe suối nay là đập nước dài khoảng 300m.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông M, bà Th, ông Đ sử dụng trồng Bạch đàn và Muồng. Năm 1999, ông Đ cho vợ chồng ông Kh một phần đất để canh tác và làm nhà ở nhờ trên đất. Năm 2000, vợ chồng ông Kh trả lại đất cho ông Đ. Diện tích đất trên ông Đ vẫn canh tác trồng Muồng và trồng Bạch đàn từ năm 1992 đến năm 2007. Đất đã được kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, đã có bản đồ giải thửa. Đầu năm 2008, ông Đ trồng Keo, sau đó đến khoảng tháng 4 năm 2008 chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Văn N thì ông T lấn chiếm 8.800m² đất trong tổng số 4,5 ha đất trên. Trong 8.800m² đất này, UBND huyện MĐ đã cấp 400m² cho vợ chồng ông Kh, bà Ch theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R610563 ngày 02/8/2001 nên ông Đ chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà B phải trả 8.400m² đất lấn chiếm, diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Đ (hiện nay ông Sáu đang lấn chiếm sử dụng) dài khoảng 80m; phía Tây giáp ruộng của ông V dài khoảng 200m; phía Nam giáp đường bờ đập dài khoảng 100m; phía Bắc giáp đất ruộng của ông T, bà B dài khoảng 80m.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị B trình bày:

Năm 2001, vợ chồng ông T, bà B nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đinh Vũ Kh, bà Nguyễn Thị Ch một thửa đất tại xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk một diện tích đất khoảng 8.800 m² (không đo đạc cụ thể). Khi chuyển nhượng có lập thành văn bản, nhưng do thời gian quá lâu nên đã thất lạc mất. Về nguồn gốc thửa đất trên thì trước đây ông T có thấy ông Đ sử dụng nhưng ông Đ đã cho vợ chồng ông Kh, bà Ch. Khi vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng thửa đất trên từ vợ chồng ông Kh thì ông Đ là người làm chứng, chính ông Đ là người viết giấy tay sang nhượng giúp ông Kh. Kể từ khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông T trồng Keo trên toàn bộ diện tích đất này, ông xác định, gia đình ông sử dụng đúng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng và không có ai tranh chấp. Ông Đ cũng biết việc gia đình ông T, bà B sử dụng diện tích đất trên và cũng không hề có ý kiến gì. Đến năm, 2015 ông Đ đến tranh chấp và khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T trả lại cho ông Đ 8.400m² đất trên, vợ chồng ông T, bà B không đồng ý với yêu cầu của ông Đ.

Những người làm chứng trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, ông Đinh Vũ Kh trình bày:

Năm 2001, ông Đ có cho ông Kh một thửa ruộng có diện tích khoảng 2.000 m² tọa lạc tại thôn 5, xã Cư Króa, huyện M'đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi, ông Đ cho ông Kh thửa ruộng trên thì ông Kh có chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà B với giá 1.000.000 đồng nhưng do phần ruộng này mang tên ông Đ nên ông Đ đã trực tiếp làm giấy tờ với ông T, bà B. Ông Kh là người trực tiếp nhận tiền còn thủ tục chuyển nhượng như thế nào ông Kh không biết, vị trí, tứ cận diện tích đất ông Kh không rõ (không đo đạc cụ thể). Phần diện tích đất còn lại xung quanh không phải là của ông Kh, đất lúc đó vẫn bỏ hoang chưa có ai sử dụng.

Ông Nguyễn Đức V trình bày:

Năm 1997, ông V khai hoang 01 thửa đất kế bên thửa đất hiện nay ông Đ và vợ chồng ông T, bà B đang tranh chấp. Khi đó, diện tích đất này vẫn bỏ hoang không có người sử dụng. Đến khoảng năm 1999, ông Kh vào sử dụng thửa đất đó, từ năm 2001 đến nay thì vợ chồng ông T, bà B sử dụng diện tích đất này.

Ông Nguyễn Minh N trình bày:

Năm 2008, ông N có mua của ông Đ mảnh đất gần đập thôn A với số tiền 15.000.000 đồng. Khi vào làm thì ông B tranh chấp nên ông N không mua nữa. số diện tích đất ở dưới chân đập ông Đ cũng nói bán cho ông N nhưng khi vào làm thì thấy gia đình ông T, bà B đã làm trước rồi.

Ông Nguyễn Huy C trình bày:

Năm 1997, ông C trồng rừng cho dự án F tại khu đập xã CK thì có thấy ông Đ trồng rừng tại khu vực đó, diện tích bao nhiêu thì ông không rõ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 24/8/2017, Tòa án nhân dân huyện M'đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 220, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 6, khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 163; Điều 170, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai; Áp dụng Điều 5 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ đối với diện tích 400m² đất mà Ủy ban nhân dân huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R610563 ngày 02/8/2001 cho hộ bà Nguyễn Thị Ch.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Vũ Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị B trả lại diện tích đất lấn chiếm 8.400m² tọa lạc tại thôn A, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2017, nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 14/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'đrăk, tỉnh Đắk Lắk, ông đề nghị HĐXX phúc thẩm xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa, ông Đ bổ sung nội dung kháng cáo, ông Đ cho rằng ông Đ chỉ bán đất cho ông Nguyễn Xuân Tr và ông Đ không cắt khẩu đi tỉnh Sơn La từ năm 2001 đến năm 2007.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo và không ai có ý kiến tranh luận gì.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày luận cứ với nội dung: Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, việc ông Đ khởi kiện tranh chấp đất yêu cầu ông Tấn, Bộ trả 8.400 m² là không có căn cứ. Ông Đ cho rằng ông nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông M, bà Th từ năm 1989 sau đó ông đưa vào chương trình trồng rừng là không có cơ sở vì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc mua bán này, ông Đ xác định khi mua bán thì chỉ ngồi tại nhà để viết giấy bán đòi chứ không bàn giao thực địa. Tuy nhiên, đây chỉ là lời khai của ông Đ nên không có giá trị chứng minh, trong khi đó trước năm 1993 việc mua bán đất đai bị pháp luật nghiêm cấm. Ông N (người mua đất từ ông Đ) cũng xác nhận khi ông N vào làm thì thấy gia đình ông T, bà B đã làm trước rồi. Việc ông T, bà B mua đất của ông Kh là thực tế bởi vì việc mua bán này được ông Kh thừa nhận. Từ năm 2001 đến nay ông T, bà B sử dụng đất ổn định và hiện nay chưa có ai đăng ký kê khai. Mặc dù, đất tranh chấp có một phần thuộc Đập thủy lợi không được nhà nước cấp đất cho hộ gia đình mà được giao cho tổ chức sử dụng, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất nên ông T, bà B vẫn được quyền sử dụng đất đến khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi. Như vậy, đơn kháng cáo của ông Đ là không có căn cứ, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Vũ Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Đ tranh luận: Các đương sự khác đều thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Đ nên ông đề nghị HĐXX không chấp nhận ý kiến của Luật sư.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại cấp sơ thẩm ông Đ không cung cấp được địa chỉ chính xác của ông M, bà Th là người bán đất cho ông Đ, tại cấp phúc thẩm ông Đ đã cung cấp được địa chỉ mới của ông M, bà Th và tiếp tục đề nghị Tòa án triệu tập ông M, bà Th tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Bên cạnh đó, về nguồn gốc đất tranh chấp chưa được xác minh, làm rõ và còn nhiều mâu thuẫn trong lời khai của những người đã sử dụng đất trước đây, nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành đối chất giữa những người này. Không đưa UBND xã CK, Bản quản lý dự án D vào tham gia tố tụng để làm rõ nguồn gốc đất đang tranh chấp. Đồng thời cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét thẩm định tại chỗ toàn bộ diện tích đất ông Đ được giao năm 1992 để xác định diện tích đất đang tranh chấp 8.400 m² có nằm trong 7,2 ha đất ông Đ trồng rừng từ năm 1992 là chưa có căn cứ vững chắc để bác đơn khởi kiện của ông Đ. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'đrăk và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đinh Vũ Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Quá trình tố tụng các bên đương sự đều thừa nhận diện tích tranh chấp 8.400m² trước đây là của ông Đ, còn nguồn gốc ông Đ có từ đâu thì không biết. Còn ông Đ cho rằng nhận chuyển nhượng từ ông M, bà Th. Mặc dù, ông Đ đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải thích nghĩa vụ cung cấp địa chỉ của ông M, bà Th nhưng hết thời hạn ông Đ không cung cấp. Tại biên bản làm ngày 22/11/2017, tại cấp phúc thẩm ông Đ cung cấp ông Mai, bà Thịnh hiện có địa chỉ tại thôn ĐT, xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang và ông Nguyễn Xuân Tr địa chỉ: Thôn E, xã ER, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk là người chứng kiến giao dịch giữa ông Đ với ông M, bà Th. Ngoài ra, ông Đ xác định, toàn bộ diện tích đất 8.400 m² đang tranh chấp nằm toàn bộ trong diện tích 7,2 ha mà gia đình ông nhận trồng rừng năm 1997 theo chương trình F, sau khi ban dự án F nghiệm thu thì gia đình ông được nhận tiền theo “danh sách được cấp ứng trồng rừng 97” và được cấp một sổ bìa xanh (sổ đất trồng rừng) sử dụng 50 năm. Tuy nhiên, sau

khi dự án F giải thể thì sổ bìa xanh này đã bị dự án F thu hồi và bàn giao lại cho dự án rừng phòng hộ núi VP (gọi tắt là dự án D). Xét thấy, yêu cầu triệu tập vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Vũ Thị Th, ông Nguyễn Xuân Tr tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng và yêu cầu thu thập sổ bìa xanh của ông Đ là cần thiết cho quá trình giải quyết vụ án. Đây là tình tiết mới phát sinh cần thiết phải triệu tập đương sự tham gia tố tụng và cần thiết phải xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ là sổ bìa xanh do Dự án D quản lý và đưa Dự án F và Dự án D vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan để có cơ sở vững chắc khi quyết định nội dung vụ án. Cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên HĐXX thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông Đ hủy bản án sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'đrăk, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Tuy nhiên, khi xét xử lại cần tiến hành làm rõ các vấn đề sau để có căn cứ vững chắc khi quyết định nội dung vụ án:

Tại đơn khởi kiện (bút lục 01) ông Đ cho rằng năm 1989, gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông M, bà Th diện tích ruộng nước, đất đồi và nhà ở khoảng 4,5ha. Tại bản tường trình sử dụng đất 327 (bút lục 12), ông Đ lại cho rằng năm 1993, ông nhận chuyển nhượng đất của ông M, bà Th, nguồn gốc đất ông M, bà Th được ban quản lý hợp tác xã Nam Thành chia đất ở và đất canh tác (có văn bản cho rằng ông M, bà Th khai hoang); tại đơn đề nghị (bút lục số 218), ông Đ xác định năm 1997 gia đình ông được UBND huyện MĐ quyết định giao 7 ha đất. Tại biên bản hòa giải ngày 09/7/2017, ông Đ lại cho rằng năm 1997, gia đình ông được nhận diện tích trồng rừng 327 (bút lục 14). Như vậy, nguồn gốc đất theo ông Đ trình bày có mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ “có hay không ông Đ nhận chuyển nhượng từ ông M, bà Th, thời gian nhận chuyển nhượng, ông M, bà Th có được ban quản lý hợp tác xã chia (cấp) đất hay khai hoang; năm 1995 ông Đ có được UBND huyện MĐ cấp đất hay không, năm 1997 có được ban quản lý dự án trồng rừng giao đất hay không.

Từ năm 1990 đến 1996, gia đình ông Đ làm ruộng nước còn khoảng 5ha đưa vào trồng rừng, năm 1997 được UBND xã CK và Ban dự án trồng rừng F cấp tiền trồng rừng với diện tích 7,2ha (trong đó bao gồm 8.800m² đất ông T, bà B lấn chiếm, 2.300m² đất ông S lấn chiếm). Năm 2008, ông Đ chuyển nhượng toàn bộ đất (khoảng 4ha) cho ông N thì ông N trả lại do bị ông T, bà B lấn chiếm 8.800m², ông Th lấn chiếm rồi chuyển nhượng lại cho ông S 2,3ha. Tuy nhiên, tại Bút lục 12, ông Đ cho rằng năm 1998 và 1999, Dự án đập Thủy Lợi CK mức một phần đất đồi đã được ông trồng rừng và toàn bộ diện tích ruộng nước trong lòng hồ bị ngập. Như vậy, tại thôn A, xã CK ông Đ có diện tích đất là bao nhiêu trong số các diện tích ông Đ trình bày:

4ha, 4,5ha, 5ha, 7,2ha. Ông Đ chuyển nhượng toàn bộ cho ông N, hay một phần trong các diện tích trên, Đập Thủy lợi đã mức diện tích của ông Đ là bao nhiêu chưa được làm rõ. Ngoài ra, diện tích tranh chấp cũng tại thôn A, xã CK với bị đơn ông Đinh Vũ G, bà Vũ Thị H diện tích 36.500 m² có cùng vị trí với diện tích đang tranh chấp hay không để giải quyết triệt để vụ án. Và tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 07/2005/QĐ-HNGĐST ngày 04/8/2005 của Tòa án nhân dân huyện M'đrăk, có xác định diện tích ông Đ đang quản lý, cần thu thập làm rõ.

Năm 2000, ông Đ cho ông Kh, bà Chung mượn 3.000m² đất ruộng và một ít đất đồi, sau đó ông Kh, bà Ch trả lại đất và làm giấy chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân K, bà L 3.000m² (bút lục 12). Tuy nhiên, ông K lại xác nhận ông Đ chuyển nhượng cho ông 2.000m² đất (bút lục 34, bút lục 215). Như vậy, diện tích ông Đ cho ông Kh, bà Ch mượn rồi sau đó có trả lại không, có phải là diện tích chuyển nhượng cho ông K không, thực tế hiện nay ông K có sử dụng đất không chưa được làm rõ.

Cần làm rõ danh sách cấp tiền trồng rừng cho ông Đ 7,2ha, mục đích nhận tiền để trồng rừng, hay sau khi đã nghiệm thu diện tích đã trồng rừng xong, khi cấp tiền có xác định diện tích trên thực địa hay không?

Ông Đ trình bày về nguồn gốc đất lúc thì gia đình nhận chuyển nhượng, lúc thì cho rằng bản thân ông nhận chuyển nhượng. Trường hợp gia đình ông Đ nhận chuyển nhượng thì cần xác định thời điểm nhận chuyển nhượng gia đình ông Đ gồm những ai để tham gia tố tụng.

Cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định toàn bộ diện tích đất của ông Đ nên cần xem xét thẩm định tổng thể diện tích thực tế hiện nay ông Đ còn quản lý sử dụng, diện tích bị thu hồi, tặng cho, chuyển nhượng..., thì mới có căn cứ xác định bị đơn có lấn chiếm hay không để có đủ cơ sở vững chắc khi bác đơn khởi kiện. Ngoài ra, khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án cần giải quyết chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản để giải quyết triệt để vụ án.

[3] Từ các phân tích và nhận định trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên ông Đinh Vũ Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ - Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'đrăk, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Vũ Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004499 ngày 07/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'đrăk;
- Chi cục THADS huyện MĐ;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền